

KINH NGHIỆM BẢO ĐẢM TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA LIÊN BANG NGA VÀ ĐỀ XUẤT CHO VIỆT NAM

TRẦN TUẤN VŨ *

TRẦN KIM CHI **

Tóm tắt: Bảo đảm tranh tụng trong xét xử là nguyên tắc cơ bản không chỉ ở các nước thuộc dòng họ pháp luật Common Law và các nước phương Tây mà còn trong mô hình tố tụng của hầu hết các nước trên thế giới. Tố tụng hình sự của Liên bang Nga có nhiều điểm tương đồng với tố tụng hình sự của Việt Nam; vừa có yếu tố cơ bản của tố tụng tranh tụng, vừa mang đặc điểm của tố tụng thẩm vấn. Bài viết làm rõ kinh nghiệm bảo đảm tranh tụng trong xét xử tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự ở Liên bang Nga; đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam liên quan tới việc xác định phạm vi trách nhiệm chứng minh của tòa án, xác định trình tự xét hỏi của các bên tham gia phiên tòa, việc xét hỏi người làm chứng và một số vấn đề liên quan trong phiên tòa sơ thẩm.

Từ khoá: Bảo đảm tranh tụng, kinh nghiệm, Liên bang Nga, xét xử sơ thẩm, tố tụng hình sự, Việt Nam, vụ án hình sự

Nhận bài: 11/9/2018

Hoàn thành biên tập: 11/3/2019

Duyệt đăng: 30/4/2019

THE RUSSIAN FEDERATION'S EXPERIENCES FOR ENSURING ADVERSARY IN TRIAL OF CRIMINAL CASES AT FIRST INSTANCE AND SUGGESTIONS FOR VIETNAM

Abstract: Ensuring adversary in hearing cases is a fundamental principle of the procedural model not only of common law countries but also of almost all countries in the world. Criminal procedure of the Russian Federation and that of Vietnam show many similarities. They both have fundamental factors of adversarial procedure and are also characterised by inquisitorial procedure. The paper discusses the Russian Federation's experiences for ensuring adversary in trial of criminal cases at first instance and offers some proposals for improving the Criminal Procedure Code of Vietnam in regard to the determination of the scope of the court's burden of proof, the determination of the orders of questioning by involved parties in the trial, questioning witnesses and some issues relating to trial at first instance.

Keywords: Ensuring adversary; experience; the Russian Federation; trial at first instance; criminal procedure; Vietnam; criminal case

Received: Sept 11th, 2018; Editing completed: Mar 11th, 2019; Accepted for publication: Apr 30th, 2019

Ở Việt Nam, đường lối chủ trương của Đảng về việc đảm bảo tranh tụng trong quá trình xét xử được thể hiện trong Nghị

quyết của Bộ chính trị số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005. Theo đó “... việc phán quyết của tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo...

* Giảng viên, Trường đại học an ninh nhân dân
E-mail: ttbtthuy68b39@gmail.com

** Trường đại học luật thành phố Hồ Chí Minh
E-mail: tkchi@hcmulaw.edu.vn

để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn pháp luật quy định” và “nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, chất lượng tranh tụng tại tất cả phiên tòa xét xử”. Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) Việt Nam năm 2015 đã khẳng định “tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” là một nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự (TTHS) Việt Nam. Trong khoa học pháp lý, thuật ngữ tranh tụng được tiếp cận theo nhiều cách khác nhau. Bài viết này tiếp cận khái niệm tranh tụng từ góc độ là một quá trình mà các chức năng phải thực hiện để làm rõ sự thật khách quan trong vụ án. Dưới góc độ này, tranh tụng được hiểu là “quá trình cõ sát các quan điểm, lập luận về vụ án giữa các chủ thể của bên buộc tội và bên bào chữa tham gia vào quá trình tố tụng hình sự nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án”.⁽¹⁾

1. Bảo đảm tranh tụng trong xét xử tại phiên tòa sơ thẩm theo Bộ luật tố tụng hình sự Liên bang Nga

BLTTHS Liên bang Nga được chính thức ban hành năm 2001, được sửa đổi, bổ sung nhiều lần, trong đó bản sửa đổi gần đây nhất là vào ngày 11/10/2017, có hiệu lực kể từ ngày 21/10/2018. Về mô hình tố tụng, “tố tụng hình sự Liên bang Nga vừa mang những yếu tố cơ bản của mô hình tố tụng tranh tụng, vừa mang đặc điểm của TTHS thẩm vấn”.⁽²⁾ Do đó, bên cạnh nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc tự do đánh giá

chứng cứ, TTHS Liên bang Nga đặc biệt coi trọng nguyên tắc tranh tụng trong xét xử. Điều 15 BLTTHS Liên bang Nga ghi nhận: “chức năng truy tố, bào chữa và chức năng xét xử phải tồn tại một cách độc lập với nhau và không thể được giao cho cùng một cơ quan hay cùng một viên chức”, “chức năng xét xử của tòa án phải thật sự độc lập và không nghiêng về bên truy tố hay bên bào chữa mà chỉ tạo điều kiện cho các chủ thể khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ”, “sự bình đẳng trước tòa án của bên truy tố và bên bào chữa”.⁽³⁾ Đây là ba điều kiện đảm bảo cho hoạt động tranh tụng và thể hiện rõ nhất thông qua phiên tòa sơ thẩm. Thủ tục tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm được quy định từ Điều 227 đến Điều 313 BLTTHS Liên bang Nga, trong đó ghi nhận cụ thể những quy định bảo đảm tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm.

1.1. Những quy định chung về hoạt động xét xử

Theo BLTTHS Liên bang Nga, để đảm bảo nguyên tắc tranh tụng, trước tiên việc xét xử tại phiên tòa phải “trực tiếp, bằng lời nói, công khai và bình đẳng”.⁽⁴⁾ Việc xem xét các chứng cứ phải được tiến hành trực tiếp tại phiên tòa, trừ trường hợp vụ án được tiến hành theo thủ tục xét xử đặc biệt. Biện pháp công bố lời khai tại phiên tòa chỉ mang tính chất như một biện pháp trợ giúp cho quá trình tranh tụng nhằm làm rõ mâu thuẫn giữa lời khai của các bên hay cung cấp thêm

(1). Lê Tiến Châu, “Một số vấn đề về tranh tụng trong tố tụng hình sự”, *Tạp chí khoa học pháp lý*, số 03(18)/2003, tr. 43 - 48.

(2). Lê Cẩm, “Mô hình tố tụng hình sự Liên bang Nga”, *Thông tin khoa học kiểm sát*, số 1+2/2001, số chuyên đề.

(3). A.B. Смирнов К.Б. Калиновский, УГОЛОВНЫЙ ПРОЦЕСС, Москва - 2008, tr. 46.

(4). Điều 240, Điều 241 và Điều 224 BLTTHS Liên bang Nga, <http://legalacts.ru/kodeks/UPK-RF/>, truy cập 27/02/2019.

chứng cứ (chứ không phải là biện pháp thay thế lời khai của người vắng mặt).⁽⁵⁾ Bởi lẽ, không phải lúc nào toà án cũng tiến hành công bố lời khai tại phiên toà khi vắng mặt người có lời khai tại phiên toà mà chỉ công bố lời khai trong các trường hợp đã được xác định rõ trong BLTTHS. Quy định này bảo đảm mọi lời khai, chứng cứ sẽ đều được xem xét công khai tại phiên toà. Các phiên toà hình sự ở Nga phải được tiến hành công khai, trừ những trường hợp được toà án xét xử kín khi liên quan đến bí mật quốc gia hoặc trong một số trường hợp đã được xác định rõ mà việc xét xử kín là cần thiết.⁽⁶⁾ Trong những trường hợp này, các quyết định của toà án phải được công bố công khai.

Điều kiện thứ hai bảo đảm tranh tụng tại phiên toà sơ thẩm vụ án hình sự là sự bình đẳng giữa bên buộc tội và bên bào chữa tại phiên toà. Các bên tranh tụng được đảm bảo thật sự bình đẳng về các quyền tại phiên toà như quyền đưa ra đề nghị thay đổi người tham gia tố tụng, đưa ra yêu cầu, đưa ra chứng cứ, tham gia vào việc xem xét chứng cứ, phát biểu khi tranh luận tại phiên toà, đề trình trước toà án ý kiến bằng văn bản. Việc thực hiện quy định này đòi hỏi vai trò rất lớn của toà án mà chủ yếu là của chủ tọa phiên toà. Do đó, đòi hỏi toà án phải có sự độc lập rất lớn trong quá trình xét xử. Chính vì thế, BLTTHS Liên bang Nga quy định buộc phải ghi vào biên bản phiên toà ý kiến phản đối

của người tham gia phiên toà đối với các hoạt động của chủ tọa phiên toà. Đây là biện pháp giám sát và đánh giá hoạt động của chủ tọa phiên toà.

Điều kiện thứ ba được ghi nhận trong các quy định chung trong quá trình xét xử sơ thẩm của BLTTHS Liên bang Nga nhằm bảo đảm tranh tụng là sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên toà. Đây là điều kiện để các bên thực hiện quyền tranh tụng của mình tại phiên toà. Trong đó, sự có mặt của người bào chữa có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo quyền bào chữa cũng như đảm bảo tranh tụng tại phiên toà. Chỉ cần người được bào chữa không từ chối thì người bào chữa buộc phải có mặt tại phiên toà để thực hiện việc bào chữa. Người bào chữa bắt buộc phải có mặt tại toà trong thủ tục xét xử có bồi thẩm đoàn, trong vụ án liên quan đến người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần nên không thể thực hiện được quyền tự bào chữa hoặc bị cáo không nói được tiếng Nga hay liên quan đến những tội phạm có thể bị phạt tù trên 15 năm, chung thân hoặc tử hình; trong các trường hợp xét xử vắng mặt bị cáo theo khoản 5 Điều 247 Bộ luật này. Đáng chú ý, “việc từ chối người bào chữa không tước bỏ quyền của người bị tình nghi, bị can tiếp tục đề nghị cho phép người bào chữa được tham gia tố tụng đối với vụ án”.⁽⁷⁾ Đây là quy định đảm bảo cho người bị buộc tội được quyền có người bào chữa tại phiên toà, thông qua đó đảm bảo sự bình đẳng giữa

(5). Điều 276 và Điều 281 BLTTHS Liên bang Nga, <http://legalacts.ru/kodeks/UPK-RF/>, truy cập 27/02/2019.

(6). Điều 241 BLTTHS Liên bang Nga, <http://legalacts.ru/kodeks/UPK-RF/>, truy cập 27/02/2019.

(7). Khoản 1 Điều 52 BLTTHS Liên bang Nga, <http://legalacts.ru/kodeks/UPK-RF/>, truy cập 27/02/2019.

chức năng công tố và chức năng bào chữa, đảm bảo nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa, đặc biệt là tại phiên tòa sơ thẩm.

1.2. Quá trình tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm

Quá trình tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm trong TTHS Liên bang Nga trải qua 2 thủ tục: điều tra tại tòa án và phần tranh luận của các bên.

Thủ tục xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm trong TTHS Liên bang Nga được gọi là thủ tục “điều tra tại tòa án”. Theo đó, đây là *“một giai đoạn của quá trình xét xử trong đó các bên đưa ra quan điểm về bản chất của vụ án hình sự và chứng minh quan điểm của mình bằng cách trình bày và đánh giá chứng cứ trước tòa án”*.⁽⁸⁾ Giai đoạn này tách biệt hoàn toàn với giai đoạn chuẩn bị xét xử và phần tranh luận, trong đó các bên tiến hành đưa ra chứng cứ và kiểm tra, đánh giá chứng cứ của các bên một cách công khai tại phiên tòa. Thủ tục này bắt đầu bằng việc công bố lời buộc tội đối với bị cáo, được tiến hành bởi công tố viên đối với những vụ án công tố hoặc tư tố viên trong những vụ án tư tố.⁽⁹⁾ Sau đó, tòa án phải hỏi xem bị cáo có nhận tội hay không rồi mới tiến hành thủ tục xem xét chứng cứ mà các bên đưa ra và lấy lời khai của những người tham gia phiên tòa, bao gồm bị cáo, người bị hại và những người làm chứng. Tòa án không tự lấy lời khai mà việc đưa ra và xem xét chứng cứ cũng như lấy lời khai sẽ do bên buộc tội tiến hành

trước, sau đó sẽ đến bên bào chữa nhưng trình tự xem xét từng chứng cứ sẽ do bên đưa ra chứng cứ quyết định. Việc lấy lời khai của bị cáo cần được sự đồng ý của bị cáo nhưng bị cáo có quyền đưa ra lời khai vào bất kỳ thời điểm nào của quá trình điều tra tại tòa án với sự cho phép của chủ tọa phiên tòa. Quyền đưa ra lời khai vào bất kỳ thời điểm nào cũng được dành cho người bị hại. Việc lấy lời khai người làm chứng phải đảm bảo tính khách quan, trung thực của người làm chứng. Do đó, người làm chứng có mặt tại phiên tòa chưa đến lượt khai báo thì được mời ra khỏi phòng xử án, đồng thời không được tiếp xúc với những người làm chứng khác cũng như với những người khác có mặt ở phòng xử án.⁽¹⁰⁾ Việc lấy lời khai cũng bao gồm thủ tục hỏi được tiến hành bởi các bên theo nguyên tắc “kiểm tra chéo”. Tuy nhiên, trình tự hỏi không cố định mà phụ thuộc vào việc người đưa ra lời khai đó tham gia tố tụng với tư cách của bên nào. Chẳng hạn, đối với bị cáo thì bên bào chữa sẽ hỏi trước, sau đó mới đến bên buộc tội. Đối với người làm chứng, bên yêu cầu triệu tập người làm chứng đến phiên tòa đưa ra những câu hỏi đối với người làm chứng trước sau đó đến bên còn lại.

Như vậy, các công việc trong thủ tục “điều tra tại tòa án” được tiến hành phần lớn bởi bên buộc tội và bên bào chữa. Tòa án chỉ tiến hành hỏi người đưa ra lời khai sau khi các bên đã thẩm vấn xong (kiểm tra chính và kiểm tra chéo) đối với người đó. Tòa án có

(8). А.В. Смирнов К.Б. Калиновский, сдд, tr. 521.

(9). Khoản 1 Điều 273 BLTTHS Liên bang Nga, <http://legalacts.ru/kodeks/UPK-RF/>, truy cập 27/02/2019.

(10). Khoản 2 Điều 264 BLTTHS Liên bang Nga, <http://legalacts.ru/kodeks/UPK-RF/>, truy cập 27/02/2019.

thể kiểm tra các chứng cứ được đưa ra tại phiên toà bằng cách: lấy lời khai của người giám định; xem xét vật chứng; công bố biên bản hoạt động điều tra và những tài liệu khác; đưa các tài liệu trình trước toà án vào hồ sơ vụ án; xem xét chỗ ở và địa điểm; thực nghiệm điều tra; nhận dạng; xem xét dấu vết trên thân thể. Với mục đích xác định sự thật nội dung vụ án, những biện pháp này giúp toà án đánh giá khách quan giá trị của từng chứng cứ mà không bị chi phối bởi quan điểm các bên.

Phần tranh luận của các bên là không thể thiếu trong thủ tục tranh tụng tại phiên toà. Nội dung tranh luận bao gồm phát biểu của người buộc tội và của người bào chữa. Nếu không có sự tham gia của người bào chữa, bị cáo đóng vai trò là người bào chữa, tự bào chữa và tiến hành tranh luận. Bị hại và người đại diện của họ cũng có quyền tham gia quá trình tranh luận. Nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, những người đại diện của họ, bị cáo được gửi đơn yêu cầu tham gia vào quá trình tranh luận. Toà án không can thiệp mà bảo đảm quyền tranh tụng của các bên, quyết định thứ tự tranh luận. Trong trường hợp người buộc tội phát biểu đầu tiên thì sau đó đến bị cáo và người bào chữa. Bị đơn dân sự và người đại diện của họ phát biểu tranh luận sau khi nguyên đơn dân sự và người đại diện của họ đã phát biểu. Sau khi tất cả những người tham gia tranh luận đã phát biểu, mỗi người trong số họ có thể phát biểu đối đáp một lần nữa. Quyền được phát biểu đối đáp sau cùng thuộc về bị cáo hoặc người bào chữa. Để đảm bảo tranh tụng, toà án không có quyền hạn chế thời gian tranh luận của các

bên nhưng chủ toạ phiên toà có quyền ngăn chặn những người tham gia tranh luận, nếu họ đề cập những tình tiết không liên quan đến vụ án hoặc những chứng cứ không được chấp nhận hoặc không được xem xét tại phiên toà. Toà án cũng có quyền trở lại phần điều tra tại toà nếu như xuất hiện những tình tiết mới có ý nghĩa đối với vụ án. Kết thúc phần tranh luận, bị cáo có quyền nói lời sau cùng mà không bị hạn chế về thời gian cũng như không bị đặt câu hỏi khi đưa ra lời sau cùng.

2. Những điểm khác biệt về bảo đảm tranh tụng trong xét xử tại phiên toà sơ thẩm theo tố tụng hình sự Việt Nam so với Bộ luật tố tụng hình sự Liên bang Nga

Nguyên tắc tranh tụng được ghi nhận tại Điều 26 BLTTHS Việt Nam năm 2015, gồm những nội dung: quyền bình đẳng giữa các bên của quá trình tố tụng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu; việc xem xét tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án; trách nhiệm của toà án trong việc đảm bảo tranh tụng tại phiên toà và việc ra bản án, quyết định của toà án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên toà.

2.1. Những quy định đảm bảo tranh tụng trong xét xử tại phiên toà hình sự sơ thẩm

Mô hình TTHS được cả Việt Nam và Liên bang Nga lựa chọn là mô hình tố tụng pha trộn, trong đó những đặc điểm cơ bản của tố tụng thẩm vấn chiếm phần lớn nhưng có tiếp thu những đặc điểm tiến bộ của tố tụng tranh tụng. Tuy nhiên có sự khác biệt về các yếu tố tranh tụng trong mô hình tố tụng của mỗi nước. Một trong những đặc trưng cơ bản của TTHS Việt Nam là việc

phân loại các chủ thể tham gia vào quá trình tranh tụng thành các chủ thể tiến hành tố tụng và các chủ thể tham gia tố tụng, chứ không phân loại theo chức năng tố tụng như mô hình TTHS của Liên bang Nga. Cơ quan có chức năng điều tra, truy tố, xét xử được xếp vào nhóm các chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng; bị can, bị cáo, người bào chữa và những chủ thể khác được phân loại thành những người tham gia tố tụng. Cách tiếp cận này đã dẫn tới những bất hợp lý trong việc đảm bảo tranh tụng. Chẳng hạn, một số vấn đề nằm trong nội hàm của nguyên tắc tranh tụng lại được quy định thành một nguyên tắc riêng như thẩm phán và hội thẩm xét xử độc lập (trong đó bao gồm độc lập với chức năng buộc tội và chức năng bào chữa), đồng thời không ghi nhận được những nội dung như sự độc lập giữa các chức năng tố tụng, sự bình đẳng trước toà án của bên truy tố và bên bào chữa. Mặc dù Điều 26 BLTTHS Việt Nam đã ghi nhận sự “bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu”, tuy nhiên, vấn đề này khó được đảm bảo bởi với vị trí là cơ quan tiến hành tố tụng, viện kiểm sát khi thực hiện quyền công tố mà quyền lực nhà nước trao cho, có những ưu thế trong việc sử dụng những chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập và đưa ra chứng cứ buộc tội trong hồ sơ vụ án. Trong khi đó, với vị trí là người tham gia vào quá trình tố tụng, bên bào chữa sẽ gặp những khó khăn nhất định trong việc thu thập chứng cứ, tiếp cận hồ sơ vụ án của cơ quan điều tra và đưa ra chứng cứ trước toà. Mặt khác, với vị trí là một cơ quan tiến hành tố tụng, bên cạnh chức năng

xét xử, toà án vẫn có trách nhiệm chứng minh sự thật vụ án.⁽¹¹⁾ Trách nhiệm này phần nào ảnh hưởng đến sự độc lập của toà án khi thực hiện chức năng xét xử.

BLTTHS năm 2015 đã quy định cụ thể về bảo đảm sự có mặt cũng như trách nhiệm có mặt tại phiên toà của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng. Tuy nhiên, quyền tự bào chữa trong trường hợp người bào chữa theo pháp luật vắng mặt, cũng như nguyên tắc “không tước bỏ quyền được người khác bào chữa trong trường hợp bị cáo đã tiến hành từ chối người bào chữa” chưa được ghi nhận trong BLTTHS năm 2015. Điều đó làm cho quyền được bào chữa và tự bào chữa của bị cáo bị bỏ sót trong một số trường hợp. Chẳng hạn như người bào chữa vắng mặt hoặc người bị buộc tội vì những sức ép không mong muốn đã từ chối người bào chữa trước phiên toà, sau đó tại phiên toà yêu cầu có người bào chữa nhưng không được đáp ứng vì lí do đã từ chối người bào chữa.

2.2. Bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong phiên toà hình sự sơ thẩm

Thủ tục tại phiên toà hình sự sơ thẩm trong TTHS Việt Nam cũng bao gồm 2 phần với các công việc được tiến hành tương tự như TTHS Liên bang Nga. Thứ nhất là phần xét hỏi bắt đầu bằng việc công bố bản cáo trạng. Trong phần này, các bên sẽ tiến hành xét hỏi và trình bày cung cấp chứng cứ để toà án xem xét tại phiên toà. Phần thứ hai là phần tranh luận, bắt đầu bằng việc viện kiểm sát trình bày bản luận tội và các bên sẽ tiến

(11). Điều 15 BLTTHS Việt Nam năm 2015.

hành trình bày những ý kiến đối đáp tranh luận để toà án xem xét quan điểm của các bên. Phần này kết thúc bằng việc bị cáo nói lời sau cùng, sau đó toà án chuyển sang phần nghị án và tuyên án. Tuy nhiên, trình tự tiến hành công việc trong các thủ tục này thể hiện đậm nét vai trò của hội đồng xét xử (HĐXX) trong TTTHS Việt Nam so với vai trò trung gian, điều hành của HĐXX trong TTTHS Liên bang Nga. Chẳng hạn, khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên toà hỏi trước sau đó quyết định để thẩm phán, hội thẩm, kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi. Việc hỏi trước của chủ tọa phiên toà cũng như thẩm phán và hội thẩm xuất phát từ trách nhiệm chứng minh của toà án trong TTTHS Việt Nam. Tuy nhiên, quy định này không những không đảm bảo sự độc lập của toà án trong quá trình xét xử, mà còn ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng buộc tội của viện kiểm sát cũng như chức năng bào chữa của bên bào chữa. Trong phần xét hỏi, toà án sẽ tiến hành xem xét lời khai cũng như chứng cứ, tài liệu mà các bên cung cấp tại phiên toà. Tuy nhiên, các bên không có sự tự chủ trong việc cung cấp chứng cứ tại giai đoạn này, không được quyết định trình tự cung cấp các chứng cứ cho toà án như BLTTHS Liên bang Nga. Việc xét hỏi cũng được tiến hành đối với bị cáo, người làm chứng và cả người giám định, người định giá tài sản. Đối với bị cáo và người làm chứng, chủ tọa phiên toà cũng phải quyết định hỏi riêng và nếu lời khai của bị cáo này có thể ảnh hưởng đến lời khai của bị cáo khác thì chủ tọa phiên toà phải cách li họ. Tuy nhiên,

đối với việc hỏi người làm chứng, mặc dù có quy định không để cho người làm chứng khác biết được nội dung xét hỏi nhưng BLTTHS năm 2015 của Việt Nam chưa có quy định rõ việc cách li người làm chứng và không để cho những người làm chứng tiếp xúc với nhau trước và trong phiên toà.

Quá trình tranh luận tại phiên toà hình sự sơ thẩm bắt đầu bằng việc kiểm sát viên trình bày bản luận tội. Khác với TTTHS Liên bang Nga trình tự phát biểu khi tranh luận do toà án quyết định, trình tự phát biểu trong phiên toà hình sự sơ thẩm tại Việt Nam được xác định rõ ràng: từ kiểm sát viên đến bị cáo, sau đó là người bào chữa và cuối cùng là bị hại, đương sự, người đại diện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ (nếu có) trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. BLTTHS năm 2015 không ghi nhận thủ tục “tư tố” như BLTTHS Liên bang Nga mà chỉ ghi nhận trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại. Trong trường hợp này, bị hại hoặc người đại diện của họ trình bày, bổ sung ý kiến sau khi kiểm sát viên trình bày luận tội.

3. Đề xuất cho Việt Nam về đảm bảo tranh tụng trong xét xử tại phiên toà sơ thẩm vụ án hình sự từ kinh nghiệm của Liên bang Nga

Thứ nhất, tham khảo kinh nghiệm của BLTTHS Liên bang Nga cho thấy, một trong những điều kiện quan trọng nhất để bảo đảm quá trình tranh tụng là đảm bảo sự độc lập của các cơ quan tiến hành tố tụng, dựa trên nền tảng phân loại các chủ thể theo các chức năng riêng biệt trong quá trình tố tụng. Mô hình tố tụng hình sự do Việt Nam lựa chọn

đã ghi nhận toà án phải “xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội...”, từ đó quy định trách nhiệm chứng minh của toà án. Tuy nhiên, trong hoạt động nhận thức, cần xác định trách nhiệm chứng minh của toà án độc lập với trách nhiệm chứng minh của viện kiểm sát dựa trên cách tiếp cận phân loại các chủ thể trong quá trình tố tụng theo chức năng tố tụng. Cụ thể, trách nhiệm chứng minh sự thật vụ án của toà án phải là một nội dung quy định bởi đặc trưng của chức năng xét xử, ở khía cạnh đánh giá giá trị chứng minh của các chứng cứ do các bên cung cấp, không chứng minh những vấn đề thuộc trách nhiệm chứng minh của bên buộc tội và bên bào chữa, mà xác định xem sự buộc tội đó có tồn tại một sự “ngghi ngờ hợp lí” nào không. Mặt khác, việc phân loại các chủ thể theo các chức năng tố tụng sẽ giúp các chủ thể thực hiện các chức năng tố tụng khác nhau thật sự bình đẳng trước toà án. Từ đó tiệm cận hơn với việc đảm bảo tính tranh tụng đúng nghĩa tại phiên toà.

Thứ hai, từ quan điểm phân loại cụ thể và đảm bảo sự độc lập giữa các chức năng tố tụng để bảo đảm quá trình tranh tụng, cần xác định trình tự hỏi khi xét hỏi từng người theo một trình tự hợp lí. Để các chức năng thực hiện đúng vai trò của mình, cần xác định thứ tự xét hỏi theo trình tự: trước hết là kiểm sát viên, bị hại, người có yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có), sau đó đến người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, sau cùng mới đến chủ tọa, thẩm phán và hội thẩm nhân dân. Các thành viên HĐXX chỉ nên hỏi về những vấn đề chưa thật sự rõ ràng cần làm rõ mà trong

vụ án mà các bên đã bỏ qua. Như vậy mới đảm bảo được sự khách quan của việc xét hỏi cũng nhưng sự độc lập của toà án trong quá trình xét xử.

Thứ ba, việc BLTTHS năm 2015 chưa có quy định về việc hỏi riêng người làm chứng phần nào làm cho việc bảo đảm tranh tụng trong phần xét hỏi chưa được thể hiện một cách đầy đủ. Vấn đề này cần được xác định rõ hơn trong TTHS Việt Nam và cần xem như một quy tắc tố tụng tại phiên toà để đảm bảo tranh tụng trong việc xét xử tại phiên toà sơ thẩm vụ án hình sự.

Thứ tư, tại phiên toà, một trong những quyết định mà HĐXX có thể ra là quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Theo hướng dẫn tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP,⁽¹²⁾ khi đã mở phiên toà, HĐXX ra quyết định này khi thiếu chứng cứ chứng minh các vấn đề được quy định tại khoản 2 Điều này. Đây là những chứng cứ mâu chốt phục vụ cho việc chứng minh tội phạm được quy định tại Điều 85 BLTTHS. Mặc dù mục đích của chế định này là “*nhằm đảm bảo giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, chính xác, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng và chống tội phạm*”,⁽¹³⁾ đồng thời trên thực tế, trong quá trình thực hành quyền công tố, trách nhiệm của kiểm sát viên là hạn

(12). Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/12/2017 quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

(13). Nguyễn Đình Huệ, “Một số vấn đề về trả hồ sơ vụ án hình sự để điều tra bổ sung”, *Tạp chí toà án nhân dân*, kì II tháng 2/2009 (số 4), tr. 5 - 8.

chế các trường hợp này xảy ra. Tuy nhiên, việc trả hồ sơ điều tra bổ sung với căn cứ thiếu chứng cứ chứng minh các vấn đề mà cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chứng minh làm cho yếu tố tranh tụng trong phiên tòa hình sự sơ thẩm không được bảo đảm đầy đủ. Bởi lẽ, việc trả hồ sơ điều tra bổ sung trong trường hợp này có khả năng dẫn đến kéo dài quá trình giải quyết vụ án, nhiều trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung để tránh né trách nhiệm trong việc để xảy ra oan sai. Thậm chí, còn không bảo đảm sự bình đẳng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội trong việc thu thập và đánh giá chứng cứ, từ đó vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo, không những thế còn vi phạm cả nguyên tắc suy đoán vô tội.⁽¹⁴⁾

Cần tham khảo và tiếp thu kinh nghiệm của BLTTHS Liên bang Nga trong việc trả hồ sơ cho viện kiểm sát. Thủ tục này chỉ được tiến hành khi có những sai phạm nghiêm trọng trong việc chuẩn bị hồ sơ vụ án của viện kiểm sát dẫn đến việc tòa án không thể ra bản án, quyết định dựa trên cơ sở bản cáo trạng quyết định truy tố đó hoặc trong trường hợp không đảm bảo được quyền lợi của bị can. Việc trả hồ sơ vụ án cho viện kiểm sát không được tiến hành ngoài những lý do đã được quy định.⁽¹⁵⁾ Quy định này có cơ sở

xuất phát từ sự phân chia độc lập giữa các chức năng tố tụng, nhất là sự độc lập của chức năng xét xử trong TTHS Liên bang Nga là một trong những điều kiện của nguyên tắc tranh tụng. Việc viện kiểm sát không cung cấp đầy đủ chứng cứ buộc tội trong hồ sơ vụ án có thể dẫn đến tòa án tuyên bị cáo không phạm tội.

Thứ năm, hiện nay có nhiều quan điểm khác nhau về các quy định liên quan đến bảo đảm tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, chẳng hạn như việc rút quyết định truy tố tại phiên tòa của viện kiểm sát viên và giới hạn của việc xét xử của tòa án. Đối với việc rút quyết định truy tố tại phiên tòa, có quan điểm cho rằng hậu quả pháp lý của quyết định này chưa đảm bảo được những điều kiện của yếu tố tranh tụng. Cụ thể, tại phiên tòa, nếu kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn thì HĐXX vẫn tiếp tục xét xử vụ án. Nếu kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố thì trước khi nghị án, HĐXX yêu cầu những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến về việc rút đó. Khi nghị án, có căn cứ xác định bị cáo không có tội thì HĐXX ra bản án tuyên bị cáo không có tội; nếu thấy việc rút quyết định truy tố không có căn cứ thì ra quyết định tạm đình chỉ vụ án và kiến nghị lên viện trưởng viện kiểm sát nhân dân (VKSND) cùng cấp hoặc viện trưởng VKSND cấp trên trực tiếp. Tuy nhiên, việc HĐXX tiếp tục xét xử trong trường hợp này bị đánh giá là không phù hợp vì cáo trạng và lời buộc tội đối với bị cáo đã chấm dứt khi VKSND rút quyết định truy tố và do đó việc xét xử là không cần thiết:

(14). Hoàng Yến, *Đã mở phiên tòa thì không được trả hồ sơ?*, Báo pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, số ra ngày 19/5/2017, <http://plo.vn/phap-luat/da-mo-phen-toa-thi-khong-duoc-tra-ho-so-702972.html>, truy cập 27/02/2019.

(15). Điều 237 BLTTHS Liên bang Nga, <http://legalacts.ru/kodeks/UPK-RF/>, truy cập 27/02/2019.

“trường hợp sau khi xét hỏi viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố thì đương nhiên phiên tòa không có luận tội của viện kiểm sát và hệ quả logic là sẽ không có tranh luận giữa viện kiểm sát và bị cáo, người bào chữa, bị hại...”⁽¹⁶⁾ Tuy nhiên, cũng có quan điểm cho rằng, chức năng xét xử hoàn toàn độc lập với chức năng buộc tội, đồng thời khi xét xử, thẩm phán, hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Do đó, mặc dù kiểm sát viên rút quyết định truy tố tại phiên tòa thì HĐXX vẫn phải tiếp tục xét xử. Trong trường hợp này HĐXX không cần ra quyết định tạm đình chỉ vụ án và kiến nghị lên viện trưởng VKSND cùng cấp hoặc viện trưởng VKSND cấp trên trực tiếp mà hoàn toàn có thể tuyên án. Nếu thấy bị cáo có tội và việc rút quyết định truy tố không có căn cứ thì HĐXX hoàn toàn có thẩm quyền tuyên án bị cáo có tội. Quy định như vậy sẽ làm cho việc xét xử bị kéo dài, đồng thời làm ảnh hưởng đến sự độc lập của tòa án. Đối với vấn đề này, BLTTHS Liên bang Nga dường như quy định theo quan điểm thứ nhất: khi công tố viên từ chối việc buộc tội và thông báo cho tòa án về lí do của việc từ chối, tòa án sẽ phải đình chỉ vụ án hoặc đình chỉ việc truy cứu trách nhiệm hình sự toàn bộ hoặc phần tương ứng.⁽¹⁷⁾ Tuy nhiên, xuất phát từ đặc điểm cụ thể của mô hình tố tụng hình sự Việt Nam, và từ thực tế các quy định về rút quyết

định truy tố của viện kiểm sát tại phiên tòa trong BLTTHS năm 2015 được nhận xét là *“đầy đủ, không có trở ngại gì cho việc giải quyết án”*,⁽¹⁸⁾ chúng tôi cho rằng vẫn cần đảm bảo sự độc lập của HĐXX trong việc bảo đảm tranh tụng tại phiên tòa. Do vậy chúng tôi đề xuất, trong trường hợp này HĐXX có thể ra phán quyết mà không cần phải tạm đình chỉ và kiến nghị lên viện trưởng VKSND cùng cấp hoặc viện trưởng VKSND cấp trên trực tiếp như hiện nay. Bên cạnh đó, cần tạo cơ chế để các chủ thể khác như bị cáo, bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự và bị đơn dân sự chủ động hơn trong việc tham gia vào quyết định rút truy tố của viện kiểm sát tại phiên tòa.

Tương tự, đối với quy định về giới hạn của việc xét xử tại khoản 3 Điều 298 BLTTHS năm 2015, xuất phát từ lí thuyết có truy tố thì mới có bào chữa và xét xử, có ý kiến cho rằng tòa án không được xét xử bị cáo theo tội danh nặng hơn tội danh mà viện kiểm sát đã truy tố vì *“sẽ không có tranh tụng và nếu có cũng không phải tranh tụng theo đúng nghĩa, bởi vì, không đủ các chủ thể tranh tụng. Và cũng không đặt ra vấn đề tranh tụng vì chưa tiến hành xét xử nhưng đã biết rõ tội danh thì tranh tụng không có mục đích và không còn ý nghĩa”*.⁽¹⁹⁾ Bên cạnh đó,

(16). Đinh Thế Hưng, “Trường hợp viện kiểm sát rút quyết định truy tố”, *Tạp chí tòa án nhân dân*, số 7/2010, tr. 24 - 27.

(17). Khoản 7 Điều 246 BLTTHS Liên bang Nga, <http://legalacts.ru/kodeks/UPK-RF/>, truy cập 27/02/2019.

(18). Trần Đình Thắng, Hồ Nguyễn Quân, *Bàn về rút quyết định truy tố theo BLTTHS năm 2015*, <http://kiemsat.vn/ban-ve-rut-quyet-dinh-truy-to-theo-blthhs-nam-2015-49405.html>, truy cập 09/3/2019.

(19). Phan Văn Chánh, “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015”, *Tạp chí dân chủ và pháp luật*, 2017, <http://tcdepl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/dien-dan->

việc toà án xét xử bị cáo theo tội danh nặng hơn bị cho rằng vi phạm quyền bào chữa. Vì người bào chữa không có sự chuẩn bị để bào chữa về tội danh nặng hơn đó và nếu có tiến hành tranh tụng thì không cũng không hiệu quả vì toà án đã định sẵn tội danh, nghĩa là làm thay chức năng của viện kiểm sát. Điều đó cũng có nghĩa là không có sự bình đẳng trong tranh tụng mà một bên là toà án đã định sẵn tội danh cho bị cáo nặng hơn tội danh mà viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên, thực tế xét xử đã nảy sinh những vướng mắc nhất định, chẳng hạn như việc toà án phải ra bản án trong giới hạn truy tố của viện kiểm sát, sau đó phải kháng nghị huỷ chính bản án của mình vì xét thấy bị cáo phạm tội nặng hơn so với quyết định truy tố. Do đó, khoản 3 Điều 298 BLTTHS năm 2015 đã quy định: *“Trường hợp xét thấy cần xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn tội danh viện kiểm sát truy tố thì toà án trả hồ sơ để viện kiểm sát truy tố lại và thông báo rõ lí do cho bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo, người bào chữa biết; nếu viện kiểm sát vẫn giữ tội danh đã truy tố thì toà án có quyền xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn đó”*. Quy định này còn hướng tới việc *“bảo đảm sự độc lập của toà án trong xét xử, bảo đảm phán quyết của Toà án phải trên cơ sở kết quả xét hỏi, tranh tụng và những chứng cứ đã được kiểm tra công khai tại phiên toà”* và *“cụ thể hoá nguyên tắc thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”*.⁽²⁰⁾

cong-tac-tu-phap.aspx?ItemID=223, truy cập 09/3/2019.

(20). Nguyễn Văn Thuận, “Quy định mới về nhiệm

BLTTHS Liên bang Nga cũng quy định về giới hạn của việc xét xử như sau: Toà án *“chỉ được phép thay đổi tội danh trong quá trình xét xử nếu không làm xấu hơn tình trạng của bị cáo và không xâm phạm đến quyền bào chữa của họ”*.⁽²¹⁾ Có thể thấy BLTTHS Liên bang Nga không cho phép toà án xét xử bị cáo đối với tội danh nặng hơn tội danh mà viện kiểm sát đã truy tố. Mặc dù TTHS Liên bang Nga phân chia rành mạch các chức năng truy tố, bào chữa và xét xử và về nguyên tắc các chức năng này hoạt động độc lập với nhau. Tuy nhiên, *“không có lời buộc tội - không có quy trình tố tụng”*.⁽²²⁾ Có nghĩa là việc thực hiện chức năng buộc tội làm phát sinh chức năng bào chữa và chức năng xét xử. Đây là kinh nghiệm tham khảo có giá trị đối với Việt Nam trong việc đảm bảo tranh tụng trong phiên toà sơ thẩm vụ án hình sự.

Có thể nói, quy định về việc xét xử bị cáo đối với tội danh nặng hơn tội danh mà viện kiểm sát truy tố đã khắc phục được những vướng mắc trong quá trình xét xử. Mặc dù vậy, trong hoạt động xét xử cần đảm bảo nguyên tắc tranh tụng cũng như nguyên tắc xác định sự thật của vụ án và sự độc lập của thẩm phán, hội thẩm nhân dân khi tiến hành xét xử. Cụ thể, việc xét xử bị cáo tại phiên toà đối với tội danh nặng hơn ngoài việc thực hiện đúng các quy định khác của BLTTHS,⁽²³⁾

vụ, quyền hạn của toà án trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015”, *Tạp chí kiểm sát*, số 7/2016.

(21). Khoản 2 Điều 252 BLTTHS Liên bang Nga, <http://legalacts.ru/kodeks/UPK-RF/>, truy cập 27/02/2019.

(22). A.B. Смирнов К.Б. Калиновский, sđd, tr. 46.

(23). Việc xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn phải đảm

phải là kết quả của việc HĐXX xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ và quan điểm của các bên đã được trình bày thông qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa chứ không phải xuất phát từ việc nghiên cứu hồ sơ vụ án theo nhiều cách hiểu như hiện nay. Do vậy, cần bổ sung quy định hoặc ban hành hướng dẫn với nội dung quyết định xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn tội danh mà viện kiểm sát truy tố chỉ được đưa ra sau khi HĐXX đã nghị án. Căn cứ của việc xét xử bị cáo theo tội danh nặng hơn phải được nêu rõ trong bản án. Bên cạnh đó cần hướng dẫn trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, thẩm phán cũng và hội thẩm nhân dân nghiên cứu hồ sơ nhằm mục đích thiết lập các điều kiện tố tụng để đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp các chủ thể tham gia tố tụng. Việc nghiên cứu hồ sơ của các thành viên HĐXX trước phiên tòa không phải là quá trình đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án hay làm rõ nội dung của vụ án. Quy định theo hướng này giúp tòa án thực sự độc lập trong quá trình xét xử, góp phần đảm bảo tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, đồng thời góp phần đảm bảo vụ án được giải quyết đúng quy định của pháp luật cũng như làm rõ các sự thật khách quan bằng cách xem xét toàn diện các chứng cứ được các bên đưa ra tại phiên tòa và quá trình tranh tụng giữa các bên./.

bảo đảm các quy định của BLTTHS năm 2015 về thẩm quyền xét xử của tòa án các cấp, về thành phần HĐXX sơ thẩm, về bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo và về thủ tục áp dụng. Xem: Mai Thanh Hiếu, “Giới hạn xét xử sơ thẩm theo truy tố”, *Tạp chí luật học*, số 3/2017, tr. 18 - 27.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.B. Смирнов К.Б. Калиновский, *УГОЛОВНЫЙ ПРОЦЕСС*, Москва - 2008.
2. Phan Văn Chánh, “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015”, *Tạp chí dân chủ và pháp luật*, 2017, <http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/dien-dan-cong-tac-tu-phap.aspx?ItemID=223>.
3. Lê Tiến Châu, “Một số vấn đề về tranh tụng trong tố tụng hình sự”, *Tạp chí khoa học pháp lí*, số 03(18)/2003.
4. Mai Thanh Hiếu, “Giới hạn xét xử sơ thẩm theo truy tố”, *Tạp chí luật học*, số 3/2017.
5. Nguyễn Đình Huệ, “Một số vấn đề về trả hồ sơ vụ án hình sự để điều tra bổ sung”, *Tạp chí tòa án nhân dân*, kì II tháng 2/2009 (số 4).
6. Đinh Thế Hung, “Trường hợp viện kiểm sát rút quyết định truy tố”, *Tạp chí tòa án nhân dân*, số 7/2010.
7. Trần Đình Thắng, Hồ Nguyễn Quân, *Bàn về rút quyết định truy tố theo BLTTHS năm 2015*, <http://kiemsat.vn/ban-ve-rut-quyet-dinh-truy-to-theo-blthhs-nam-2015-49405.html>
8. Nguyễn Văn Thuân, “Quy định mới về nhiệm vụ, quyền hạn của tòa án trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015”, *Tạp chí kiểm sát*, số 7/2016.
9. Lê Cẩm, “Mô hình tố tụng hình sự Liên bang Nga”, *Thông tin khoa học kiểm sát*, số 1+2/2001, số chuyên đề.